

Tuần 17: 27/12 - 31/12/21

## **BÀI 25. VI KHUẨN**

### **A. MỤC TIÊU**

#### **1. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân và của nhóm khi tìm hiểu về khuẩn;
- Giao tiếp và hợp tác: Tương tác tích cực với các thành viên trong nhóm để tìm hiểu về vi khuẩn, các bệnh do vi khuẩn gây ra và biện pháp phòng chống;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức giải quyết vấn đề, cách thức xử lý các vấn đề trong học tập và thực tiễn.

#### **2. Năng lực khoa học tự nhiên**

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của vi khuẩn. Nhận thấy được sự đa dạng của vi khuẩn trong tự nhiên; Phân biệt được virus và vi khuẩn; Nêu được vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và thực tiễn. Trình bày được một số bệnh do vi khuẩn gây ra và nêu được một số biện pháp phòng chống;
- Tìm hiểu tự nhiên: Tìm kiếm thông tin về lợi ích và tác hại do vi khuẩn gây ra; Viết được báo cáo mô tả các biểu hiện bệnh và cách phòng chống để tuyên truyền, phổ biến về bệnh do vi khuẩn;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng những hiểu biết về vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn như: thức ăn để lâu bị ôi thiu, không nên ăn thức ăn ôi thiu, cách bảo quản thực phẩm đã chế biến và thực phẩm tươi sống.

### **B. TỔ CHỨC DẠY HỌC**

#### **1. ĐẶC ĐIỂM CỦA VI KHUẨN**

##### **Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm hình dạng và cấu tạo của vi khuẩn**

GV hướng dẫn HS nhận biết sự tồn tại của vi khuẩn xung quanh chúng ta; nêu được các đại diện, mô tả được hình dạng và các thành phần cấu tạo nên vi khuẩn.

GV giới thiệu hình 25.1, 25.2 trong SGK, có thể chuẩn bị bộ ảnh về các loại vi khuẩn khác nhau và cấu tạo vi khuẩn; sử dụng phương pháp trực quan kết hợp kỹ thuật hỏi - đáp để hướng dẫn HS hoạt động cá nhân hoặc theo cặp đôi; gợi ý và định hướng cho HS thảo luận các câu hỏi thảo luận trong SGK.

1. Quan sát hình 25.1, em có nhận xét gì về hình dạng của các loại vi khuẩn. Lấy ví dụ.



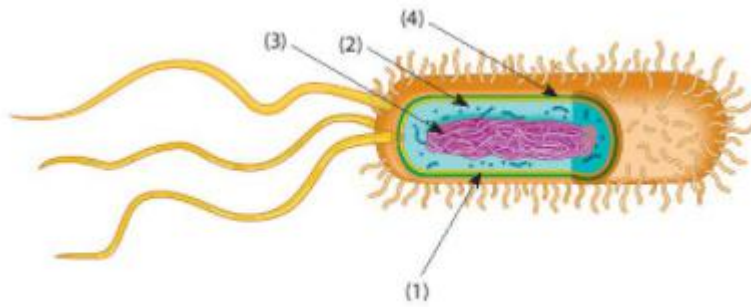
Vi khuẩn có nhiều hình dạng khác nhau: hình que (trục khuẩn lỵ, trục khuẩn đường ruột), hình cầu (tụ cầu khuẩn, liên cầu khuẩn) và hình xoắn (xoắn khuẩn); một số vi khuẩn có hình dấu phẩy (phẩy khuẩn tả).

2. Tìm hiểu thông tin về sự phân bố của vi khuẩn trong tự nhiên. Em có nhận xét gì về môi trường sống của vi khuẩn? Lấy ví dụ.

Vi khuẩn có mặt ở khắp mọi nơi như: trong thức ăn ôi thiu, quần áo bẩn, vật dụng trong gia đình, trên cơ thể người,...

Vi khuẩn trong tự nhiên phân bố ở các môi trường khác nhau như: đất, nước, không khí, trên cơ thể sinh vật, trong lòng đất,...

3. Quan sát hình 25.2, em hãy xác định các thành phần cấu tạo vi khuẩn bằng cách chú thích các phần được đánh dấu từ(1) - (4).



▲ Hình 25.2. Cấu tạo của vi khuẩn

- (1) Màng tế bào
- (2) Chất tế bào
- (3) Vùng nhân
- (4) Thành tế bào

### Luyện tập

\* Đặc điểm cấu tạo của virus và vi khuẩn khác nhau như thế nào?

- Virus chưa có cấu tạo tế bào, vi khuẩn có cấu tạo tế bào nhân sơ.

*Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.*

#### *\*Tiểu kết:*

*- Hình dạng của vi khuẩn: Đa số có dạng hình que (trực khuẩn lỵ), hình cầu (tụ cầu khuẩn), hình xoắn (xoắn khuẩn giang mai), hình dấu phẩy ( Phẩy khuẩn tả)*

*- Cấu tạo của vi khuẩn: Thành tế bào, màng tế bào, chất tế bào và vùng nhân. Một vi khuẩn có thể có lông bơi hoặc roi để di chuyển.*

## 2. VAI TRÒ CỦA KHUẨN

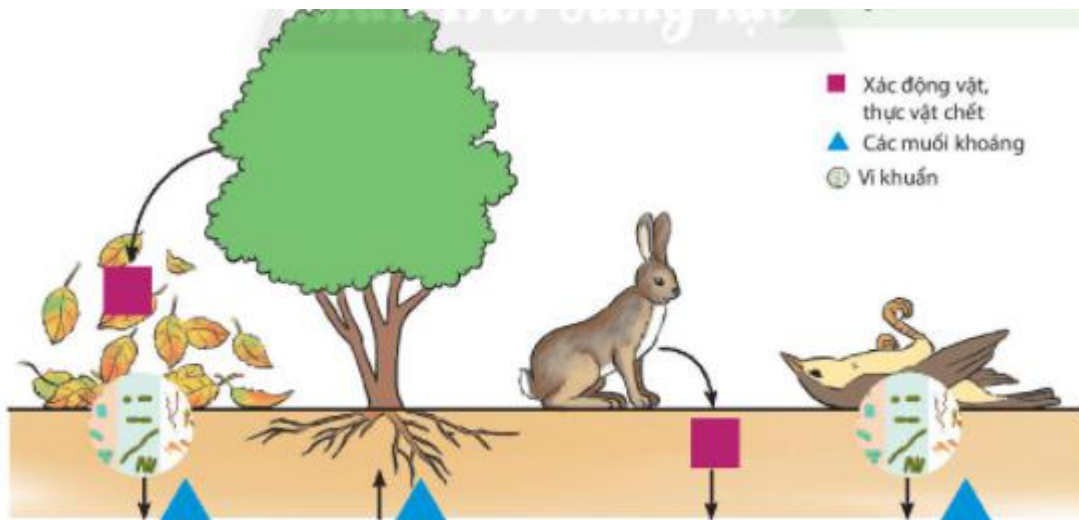
**Hoạt động 2: Tìm hiểu lợi ích của vi khuẩn trong tự nhiên và đời sống con người**

GV định hướng để HS nhận ra vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và đời sống con người.

GV sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề thông qua tình huống đặt ra: Điều gì sẽ xảy ra với xác động vật, thực vật trong đất? HS hoạt động theo nhóm kết hợp kỹ thuật khăn trải bàn để thực hiện các bước đưa giả thuyết và phương án giải quyết vấn đề. Sau đó, GV gợi ý và định hướng cho

HS thảo luận các nội dung câu hỏi trong SGK.

4. Quan sát hình 25.3, em hãy nêu vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên.



▲ Hình 25.3. Vi khuẩn phân hủy xác sinh vật và chất thải

Trong tự nhiên, vi khuẩn tham gia vào quá trình phân hủy xác sinh vật chết, là một mắt xích trong chu trình tuần hoàn vật chất của tự nhiên.

5. Nêu vai trò của vi khuẩn trong quá trình chế biến các sản phẩm ở hình 25.4. Kể tên một vài ứng dụng của vi khuẩn trong thực tiễn.



- Vi khuẩn lên men một số thực phẩm như: rau, củ, quả, thịt, cá,...
- ứng dụng vi khuẩn trong thực tiễn: chế biến thức ăn, làm sữa chua,...

### Luyện tập

\* Hãy đề xuất một số phương pháp bảo quản thực phẩm trong gia đình.

-Trong gia đình, để bảo quản tốt thức ăn, chúng ta có thể sử dụng một số phương pháp như: lên men (phương pháp muối chua), sấy khô (đặc biệt với các loại hoa quả), bảo quản trong tủ lạnh (thức ăn nên để trong hộp có nắp kín hoặc đóng gói kín, khi bảo quản phải lưu ý thời gian bảo quản tối đa cho mỗi loại thực phẩm. Rau, củ, quả hạn chế bảo quản trong ngăn đá vì sẽ làm phá vỡ màng tế bào, khi đưa ra ngoài dễ bị dập).

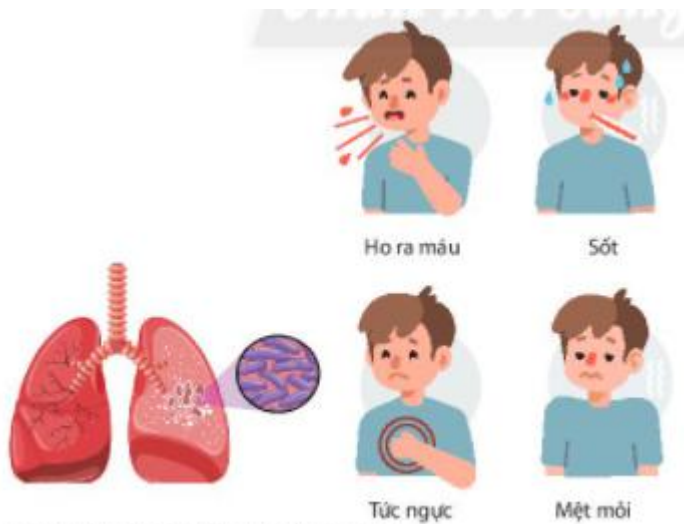
### Hoạt động 3: Tìm hiểu một số bệnh do vi khuẩn và các biện pháp phòng chống

GV hướng dẫn HS tìm hiểu về một số bệnh phổ biến, biểu hiện và cách phòng chống bệnh do vi khuẩn gây ra.

GV sử dụng phương pháp dạy trực quan kết hợp dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ, yêu cầu HS tìm hiểu về bệnh do vi khuẩn gây ra. Qua đó, thảo luận và trả lời các câu hỏi trong SGK.

6. Quan sát hình 25.5, 25.6 và hoàn thành bảng theo mẫu sau:





▲ Hình 25.6. Biểu hiện của người bị bệnh lao phổi

| Tên bệnh       | Tác nhân gây bệnh     | Biểu hiện bệnh                               |
|----------------|-----------------------|--|
| Bệnh tiêu chảy | Trực khuẩn đường ruột | Buồn nôn, nôn, đau bụng, đau đầu, tiêu chảy. |
| Bệnh lao phổi  | Vi khuẩn lao          | Ho ra máu, sốt, tức ngực, mệt mỏi, sút cân.  |

Theo em bệnh do vi khuẩn gây ra có thể lây truyền theo con đường nào?

Vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể qua đường ăn uống là chủ yếu. Chúng có thể lây nhiễm thông qua việc sử dụng thức ăn, nước uống không đảm bảo vệ sinh; qua tiếp xúc trực tiếp với nguồn gây bệnh; qua đường không khí (hô hấp);

Hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do vi khuẩn gây ra.



Một số biện pháp phòng chống bệnh do vi khuẩn gây ra:

- Vệ sinh môi trường sạch sẽ, ăn uống hợp vệ sinh, ăn chín uống sôi;
- Chú ý đeo khẩu trang nơi công cộng hoặc khi đi vào nơi có cảnh báo vùng dịch, tránh tiếp xúc gần với người khác;
- Tăng cường bồi bổ cơ thể để tăng sức đề kháng;
- Sử dụng thuốc kháng sinh đúng bệnh, đúng cách để đạt hiệu quả;
- Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh

### **Luyện tập**

\*Từ các con đường lây truyền bệnh, em hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh tiêu chảy.

- Vệ sinh môi trường sạch sẽ, ăn uống hợp vệ sinh, ăn chín uống sôi;
- Sử dụng thuốc kháng sinh đúng bệnh, đúng cách để đạt hiệu quả;

Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.

***Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.***

### ***\*Tiểu kết:***

***Trong tự nhiên, vi khuẩn tham gia vào quá trình phân hủy xác sinh vật và chất thải hữu cơ làm sạch môi trường. Trong thực tiễn, vi khuẩn có vai trò trong chế biến thực phẩm.***

***Một số vi khuẩn gây bệnh cho người, động vật, thực vật; một số vi khuẩn làm hư hỏng thực phẩm, làm thức ăn bị ôi thiu.***

***Biện pháp phòng chống bệnh do vi khuẩn: vệ sinh cá nhân, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, bảo vệ thực phẩm đúng cách***

### **Vận dụng**

\* Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu trong đất không có vi khuẩn?

Trong đất không có vi khuẩn thì xác sinh vật sẽ không bị phân huỷ, chu trình tuần hoàn vật chất trong tự nhiên sẽ không thể xảy ra.

## **C. HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP**

1. - Virus là một dạng sống chưa có cấu tạo tế bào, sống kí sinh nội bào bắt buộc trong tế bào vật chủ.

- Vi khuẩn thuộc giới Khởi sinh, có cấu tạo tế bào nhân sơ, phần lớn

sống kí sinh trong cơ thể vật chủ Virus và vi khuẩn đều là nguyên nhân gây ra một số bệnh trên người, động vật và thực vật

2.

| Bệnh do virus       | Bệnh do vi khuẩn |
|---------------------|------------------|
| Bệnh thủy đậu       | Bệnh lỵ          |
| Bệnh quai bị        | Bệnh viêm da     |
| Bệnh sốt xuất huyết | Bệnh than        |
| Bệnh dại            | Bệnh lao phổi    |
| Bệnh viêm gan B     |                  |
| Bệnh zona thần kinh |                  |
| Bệnh Covid-19       |                  |

2. - Lợi ích của vi khuẩn: Vi khuẩn phân huỷ các hợp chất hữu cơ thành các chất vô cơ, đảm bảo sự cân bằng vật chất trong tự nhiên. Vi khuẩn có ích được ứng dụng trong nông nghiệp, công nghiệp và chế biến thực phẩm. Ví dụ: Vi khuẩn được ứng dụng trong làm sữa chua, muối chua rau củ,...

3. - Tác hại của vi khuẩn: Một số vi khuẩn gây bệnh cho người, động vật và thực vật. Ngoài ra, vi khuẩn là nguyên nhân gây hư hỏng thực phẩm, gây ô nhiễm môi trường sống. Ví dụ: Vi khuẩn gây bệnh lao phổi, tiêu chảy

D. DẶN DÒ:

- Tiếp tục hoàn thành bài tập SGK
- Chuẩn bị bài 26.

## BÀI 26. THỰC HÀNH QUAN SÁT VI KHUẨN TÌM HIỂU CÁC BƯỚC LÀM SỮA CHUA

### A. MỤC TIÊU

#### 1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ được GV yêu cầu trong quá trình thực hành;
- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày và diễn đạt ý tưởng; sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi hợp tác để thực hiện các nhiệm vụ thực hành;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề liên quan trong thực tiễn và trong các nhiệm vụ học tập.

#### 2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Trình bày được các bước làm tiêu bản vi khuẩn lactic;
- Tìm hiểu tự nhiên: Làm được tiêu bản vi khuẩn, quan sát hình ảnh vi khuẩn;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng làm được sữa chua

### B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### Hoạt động 1: Thực hành quan sát vi khuẩn

GV hướng dẫn HS làm tiêu bản vi khuẩn lactic, quan sát và vẽ mô phỏng vi khuẩn lactic trong nước dưa chua và một số vi khuẩn quan sát được trong tiêu bản mẫu.

GV định hướng để HS tự quan sát và tìm vi khuẩn lactic trong nước dưa chua theo các bước gợi ý trong SGK. Sau đó, HS vẽ phác thảo vi khuẩn tìm thấy trong nước dưa và trong tiêu bản mẫu. Nhận dạng vi khuẩn tìm được thông qua đối chiếu với một số hình ảnh GV đã chuẩn bị trước.

#### 1. Chuẩn bị

Dụng cụ: Kính hiển vi, lam kính, lamên, pipette, giấy lọc.

Hóa chất: Xanh methylene.

Mẫu vật: Nước dưa/cà muối. Tiêu bản mẫu.

## 2. Cách tiến hành

### - Thực hành quan sát vi khuẩn

Bước 1: Dùng pipette lấy một vài giọt nước dưa/cà muối.

Bước 2: Nhỏ 1 giọt nước dưa/cà muối lên lam kính.

Bước 3: Đậy lamên lên giọt nước dưa/cà muối.

Bước 4: Nhỏ 1 giọt xanh methylene vào cạnh góc lamên để hòa lẫn với giọt nước dưa/cà muối.

Bước 5: Dùng giấy thấm nước thừa tràn ra ngoài lam kính.

Bước 6: Quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi với vật kính 10x, 40x và vẽ khi khuẩn quan sát được.

### Hoạt động 2: Hướng dẫn làm sữa chua

GV hướng dẫn HS thực hiện các bước làm sữa chua trong SGK.

GV chuẩn bị các vật dụng cần thiết để làm sữa chua hoặc yêu cầu HS mang theo và cho HS xem video về cách làm sữa chua, đồng thời nghiên cứu cách thức làm sữa chua theo hướng dẫn trong SGK. Trong quá trình làm sữa chua, GV sử dụng kỹ thuật hỏi - đáp để HS trả lời các câu hỏi:

Trong các bước làm sữa chua, nếu không có sữa chua môi thì quá trình làm sữa chua có thành công không? Vì sao?

- Nếu không có sữa chua môi thì quy trình làm sữa chua không thành công. Vì trong sữa chua môi có chứa nguồn vi khuẩn giúp quá trình lên men xảy ra, cho vào ủ cùng với sữa sẽ kích thích quá trình lên men tạo ra sữa chua có vị chua, sánh mịn,

### 1. Chuẩn bị:

Nguyên liệu: Sữa chua 100g, sữa đặc có đường 380g, nước đun sôi 500ml, nước đun sôi để nguội 500ml.

Dụng cụ: Cốc thủy tinh, nồi ủ hoặc thùng xốp, chậu thủy tinh, nhiệt kế.

### 2. Cách tiến hành:

Bước 1: Đổ sữa đặc vào chậu thủy tinh.

Bước 2: Thêm vào 1 lít nước theo tỉ lệ ½ nước vừa đun sôi : ½ nước sôi để nguội và khuấy đều sao cho nhiệt độ hỗn hợp khoảng 40°C-50°C.

Bước 3: Cho vào hỗn hợp trên một hộp sữa chua, khuấy nhẹ, đều tay.

Bước 4: Múc hỗn hợp sữa chua vào các cốc thủy tinh nhỏ có nắp đậy.

Bước 5: Xếp các cốc vào nồi ủ hoặc thùng xốp và ủ khoảng 8-12 giờ.

Bước 6: Bảo quản sữa chua đã ủ trong ngăn mát tủ lạnh.

### Hoạt động 3: Báo cáo kết quả thực hành

Viết và trình bày báo cáo theo mẫu trong SGK

#### BÁO CÁO: KẾT QUẢ THỰC HÀNH QUAN SÁT VI KHUẨN TRONG Nước DỪA, Nước CÀ MUỐI

Nhóm:..... Lớp:.....

| Mục tiêu  | Nội dung   | Kết quả   |
|---|--|---|
| Vẽ và mô tả được hình dạng vi khuẩn lactic có trong tiêu bản. | Quan sát vi khuẩn lactic trong nước dưa, nước cà muối. | <p>(HS vẽ hình vi khuẩn lactic)</p> <p>-Mô tả hình dạng:.....</p>         |
| Vẽ và nhận dạng được một số vi khuẩn có trong tiêu bản máu.   | Quan sát vi khuẩn có trong tiêu bản máu.               | <p>(HS vẽ hình vi khuẩn có trong tiêu bản máu) -Mô tả hình dạng:.....</p> |

C.DẶN DÒ: Chuẩn bị bài 27.

## BÀI 27. NGUYÊN SINH

### A. MỤC TIÊU

#### 1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học tự tìm hiểu về các loại nguyên sinh vật và các bệnh do nguyên sinh vật gây ra;
- Giao tiếp và hợp tác: Tương tác, chia sẻ tích cực với các thành viên trong nhóm để tìm hiểu về nguyên sinh vật, các bệnh do nguyên sinh vật gây ra và biện pháp phòng chống;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch, cách thức thu thập dữ liệu, cách thức xử lý các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo khi khám phá nguyên sinh vật trong tự nhiên nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

#### 2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật; Nêu được vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên và một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra; Trình bày được các biện pháp phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật;
- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát và vẽ được một số đại diện nguyên sinh vật (trùng roi, trùng giày, ...). Tìm kiếm thông tin về các loại nguyên sinh vật, những lợi ích và tác hại do nguyên sinh vật gây ra; Viết được báo cáo mô tả các biểu hiện bệnh và cách phòng chống để tuyên truyền, phổ biến về bệnh do nguyên sinh vật;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Giải thích được một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra trong thực tiễn dựa trên kiến thức đã học

### B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. NGUYÊN SINH VẬT LÀ GÌ?

##### **Hoạt động 1: Tìm hiểu hình dạng và đặc điểm cấu tạo của nguyên sinh vật**

GV hướng dẫn HS quan sát và nhận ra đặc điểm cấu tạo, sự đa dạng về hình dạng, môi trường sống của nguyên sinh vật.

Hướng dẫn HS để nhận diện được một số nguyên sinh vật và môi

trường sống của chúng. Có thể kết hợp hình 27.1 trong SGK để HS mô tả được cấu tạo của nguyên sinh vật.

Gợi ý, định hướng để HS thảo luận một số câu hỏi thảo luận trong SGK.

1. Quan sát hình 27.1, em có nhận xét gì về hình dạng của nguyên sinh vật.

Nguyên sinh vật không có hình dạng cố định, chúng có nhiều kiểu hình dạng khác nhau như: hình cầu, hình giày, hình thoi,...

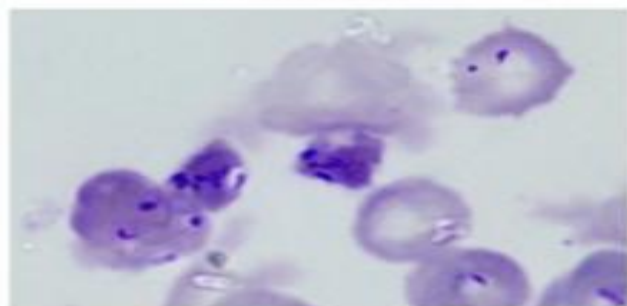
2. Dựa trên hình dạng của các nguyên sinh vật trong hình 27.1, em hãy xác định tên của các sinh vật quan sát được trong nước ao, hồ ở Bài 21. Trùng roi, trùng giày, tảo.



a) Trùng giày



b) Trùng roi



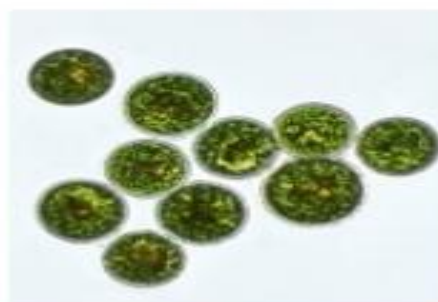
c) Trùng sốt rét



d) Trùng biến hình



e) Tảo silic



g) Tảo lục

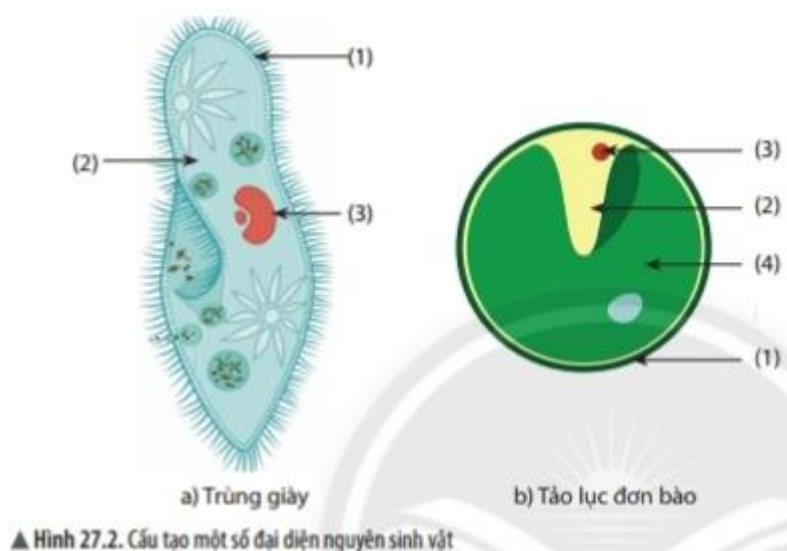
▲ Hình 27.1. Hình dạng nguyên sinh vật

3. Nguyên sinh vật thường sống ở những môi trường nào? Lấy ví dụ.

Đa số nguyên sinh vật sống trong môi trường nước: trùng giày, trùng biến hình, tảo lục, tảo silic; một số loài sống kí sinh trên sinh vật khác như

trùng roi.

4. Nêu đặc điểm cấu tạo nguyên sinh vật bằng cách gọi tên các thành phần cấu tạo được đánh số từ (1) đến (4) trong hình 27.2. Từ đó, nhận xét về tổ chức cơ thể (đơn bào/ đa bào) của nguyên sinh vật.



(1) Màng tế bào, (2) Chất tế bào, (3) Nhân, (4) Lục lạp.

Đa số nguyên sinh vật có cấu tạo cơ thể đơn bào.

### Luyện tập

\* Quan sát cấu tạo của một số đại diện nguyên sinh vật trong hình 27.2, em hãy cho biết những nguyên sinh vật nào có khả năng quang hợp? Giải thích.

- Tảo lục có khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ vì tế bào chứa lục lạp.

**Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.**

### **\*Tiểu kết:**

**Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước hiển vi.**

**- Đa số cơ thể chỉ gồm 1 tế bào nhưng đảm nhận đầy đủ các chức năng của một cơ thể sống**

**- Một số sinh vật có khả năng quang hợp: tảo lục, trùng roi,..**

**- Nguyên sinh vật đa dạng về hình dạng (hình cầu, hình thoi, hình giày,..) một số hình dạng không ổn định (trùng biến hình,..)**

## 2. BỆNH DO NGUYÊN SINH VẬT GÂY NÊN

### Hoạt động 2: Tìm hiểu về một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên

GV hướng dẫn để HS tìm hiểu về một số bệnh phổ biến, biểu hiện, cách phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên.

GV sử dụng phương pháp dạy trực quan kết hợp dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ, yêu cầu HS tìm hiểu về bệnh do nguyên sinh vật gây ra. Có thể tổ chức dạy học dự án về các bệnh phổ biến, biểu hiện, cách phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. Qua đó, thảo luận trả lời các câu hỏi trong SGK.

5. Quan sát hình 27.3, 27.4 và hoàn thành bảng theo mẫu sau:



▲ Hình 27.3a. Muỗi Anopheles



▲ Hình 27.3b. Biểu hiện của người bị bệnh sốt rét



▲ Hình 27.4a. Trùng kiết lị  
– *Entamoeba histolytica*



▲ Hình 27.4b. Biểu hiện của người bị bệnh kiết lị

| Tên bệnh     | Nguyên nhân   | Biểu hiện   |
|--------------|---------------|---|
| Bệnh sốt rét | Trùng sốt rét | Sốt cao, rét run, mệt mỏi, nôn mửa.               |
| Bệnh kiết lị | Trùng kiết lị | Đau bụng, tiêu chảy, phân có lẫn máu, có thể sốt. |

6. Quan sát hình 27.5, kết hợp với thông tin thực tế, em hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.



a) Ngủ màn



b) Vệ sinh an toàn thực phẩm



c) Diệt ruồi, muỗi



d) Vệ sinh cá nhân



e) Vệ sinh môi trường



g) Tuyên truyền vệ sinh môi trường

Ngủ màn; chỉ sử dụng thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh; diệt ruồi, muỗi, côn trùng, bọ gậy; vệ sinh cá nhân sạch sẽ; vệ sinh môi trường sống và nơi công cộng; tuyên truyền trong cộng đồng ý thức vệ sinh môi trường;...

### Luyện tập

\* Diệt ruồi, muỗi có phải là biện pháp duy nhất phòng chống bệnh sốt rét không? Vì sao?

- Ngoài diệt muỗi, khi ngủ phải mặc màn, giữ gìn môi trường sống sạch sẽ,...

*Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.*

**\*Tiểu kết:**

***Nguyên sinh vật là nguyên nhân gây ra một số bệnh ở người và động vật.***

**Một số biện pháp phòng chống các bệnh do nguyên sinh vật gây nên:**

**- Tiêu diệt côn trùng trung gian gây bệnh: muỗi, bọ gậy...**

**- Vệ sinh an toàn thực phẩm: ăn chín, uống sôi; rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh; bảo quản thức ăn đúng cách.**

**- Vệ sinh môi trường xung quanh sạch sẽ, tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm**

### **Vận dụng**

\* Tại sao chúng ta cần nấu chín thức ăn, đun sôi nước uống, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dụng?

- Nấu chín thức ăn, đun sôi nước uống, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dụng nhằm tiêu diệt các loại nguyên sinh vật và vi khuẩn gây bệnh.

## **C. HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP**

1. Đáp án c.

2. (1) tế bào, (2) phân bố, (3) sinh vật, (4) Nguyên sinh, (5) nhân thực, (6) dị dưỡng, (7) đơn bào, (8) đa bào, (9) tự dưỡng.

Trùng kiết lị -> thức ăn -> cơ quan tiêu hoá ở cơ thể người và gây bệnh

## **D. DẶN DÒ**

- Tiếp tục làm bài tập SGK

- Chuẩn bị bài 28.